

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán*



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 32
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Quản lý Đường sắt Thuận Hải được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thuận Hải theo Quyết định số 715/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4500139769 ngày 30 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thuận Hải thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4500139769 ngày 15 tháng 01 năm 2016 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 02 đến lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng Đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông Đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông Đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông Đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ phòng nghỉ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Văn Hiệu	Chủ tịch
Ông Lê Bá Tuấn Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Tường	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Bá Tuấn Vũ	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Cung	Phó Giám đốc
Ông Hà Mạnh Cương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tường	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán NamViệt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 02 năm 2021

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Lê Bá Tuấn Vũ

Số: 29./2021/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Kiểm toán viên



Nguyễn Huy Hoàng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4531-2018-152-1

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.555.489.126	44.137.468.165
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	16.953.688.427	124.031.446
1.	Tiền	111		6.953.688.427	124.031.446
2.	Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.121.203.250	42.189.711.022
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	22.887.307.055	41.529.135.112
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	3.625.115.000	162.364.899
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	352.306.741	1.008.403.421
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(743.525.546)	(510.192.410)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	52.720.437.579	1.823.725.697
1.	Hàng tồn kho	141		52.988.746.157	1.823.725.697
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(268.308.578)	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.760.159.870	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.760.159.870	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.816.778.102	13.961.063.735
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		27.500.000	27.500.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	27.500.000	27.500.000
II.	Tài sản cố định	220		12.707.034.450	12.478.621.353
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	12.707.034.450	12.478.621.353
	- Nguyên giá	222		26.144.935.168	24.987.856.986
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.437.900.718)	(12.509.235.633)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.082.243.652	1.454.942.382
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.082.243.652	1.454.942.382
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		113.372.267.228	58.098.531.900

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		91.640.100.969	37.062.837.881
I.	Nợ ngắn hạn	310		91.640.100.969	37.062.837.881
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	44.981.528.992	10.216.397.686
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	33.496.420.629	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	579.808.606	3.161.488.259
4.	Phải trả người lao động	314		11.827.003.587	10.083.742.284
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	105.000.000	105.000.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	266.341.668	6.812.528.897
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	-	5.900.000.000
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	272.488.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		383.997.487	511.192.755
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.732.166.259	21.035.694.019
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	21.732.166.259	21.035.694.019
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.888.600.000	16.888.600.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.888.600.000	16.888.600.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.526.066.687	1.233.624.167
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.317.499.572	2.913.469.852
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.317.499.572	2.913.469.852
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		113.372.267.228	58.098.531.900

Người lập biểu

Ngô Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Tường

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Giám đốc



Lê Bá Tuấn Vũ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	131.252.519.737	121.773.839.337
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		131.252.519.737	121.773.839.337
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	111.887.842.293	104.115.426.936
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.364.677.444	17.658.412.401
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	307.414.951	199.284.472
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	16.059.178	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.059.178	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	15.786.470.521	14.170.338.432
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.869.562.696	3.687.358.441
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	12.153.739	5.715.909
12.	Chi phí khác	32	VI.06	-	3.258.246
13.	Lợi nhuận khác	40		12.153.739	2.457.663
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.881.716.435	3.689.816.104
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	564.216.863	776.346.252
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.317.499.572	2.913.469.852
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.964	1.233
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.964	1.233

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Ngô Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hữu Tường

Lê Bá Tuấn Vũ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		189.788.961.997	107.416.967.084
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(81.428.710.446)	(58.452.831.450)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(55.844.012.257)	(51.726.017.494)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(16.059.178)	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.276.561.650)	(753.992.169)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		501.017.080	444.982.543
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.360.622.334)	(12.005.657.650)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.364.013.212	(15.076.549.136)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.157.078.182)	(1.447.300.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		307.414.951	199.284.472
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(849.663.231)	(1.248.015.528)

Hàng chữ ký và đóng dấu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		3.000.000.000	5.900.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.900.000.000)	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.784.693.000)	(1.349.112.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.684.693.000)	4.550.888.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		16.829.656.981	(11.773.676.664)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		124.031.446	11.897.708.110
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		16.953.688.427	124.031.446

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Ngô Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hữu Tường

Lê Bá Tuấn Vũ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng Đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông Đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông Đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông Đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ phòng nghỉ.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

09. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của hàng hóa, dịch vụ và sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	307.033.146	24.441.807
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.646.655.281	99.589.639
- Các khoản tương đương tiền ^(*)	10.000.000.000	-
Cộng	16.953.688.427	124.031.446

(*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận – Phòng giao dịch Tháp Chàm. Kỳ hạn 01 tháng. Lãi suất 3,7%/năm.

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	22.887.307.055	41.529.135.112
- Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Trường Lộ	1.700.000.000	3.279.659.000
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	16.274.782.031	33.990.330.466
- Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại Hữu Thành	2.092.449.592	68.593.000
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty công trình Đường sắt	1.600.000.000	1.800.000.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	1.220.075.432	2.390.552.646
Cộng	22.887.307.055	41.529.135.112

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	17.874.782.031	35.790.330.466
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	16.274.782.031	33.990.330.466
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty công trình Đường sắt	1.600.000.000	1.800.000.000
Cộng	17.874.782.031	35.790.330.466

03. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.625.115.000	162.364.899
- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	3.400.000.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	225.115.000	162.364.899
Cộng	3.625.115.000	162.364.899

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán là các bên liên quan ngắn hạn	3.400.000.000	162.364.899
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	-	162.364.899
- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	3.400.000.000	-
Cộng	3.400.000.000	162.364.899

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
- Phải thu khác	352.306.741	-	1.008.403.421	-
+ Chi hộ BHXH Ninh Thuận	352.306.741	-	1.008.403.421	-
+ Vật tư thu hồi	-	-	52.050.280	-
+ Phải thu khác	125.209.491	-	956.333.141	-
	227.097.250	-	-	-
b. Dài hạn				
+ Ký quỹ, ký cược dài hạn	27.500.000	-	27.500.000	-
	27.500.000	-	27.500.000	-
Cộng	379.806.741	-	1.035.903.421	-

05. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Đất Việt	461.174.500	230.587.250	-	201.217.500
- Công ty Cổ phần Công trình 875	402.435.000	120.730.500	402.435.000	35.366.000
- Các đối tượng khác	231.233.796	-	344.340.910	-
Cộng	1.094.843.296	351.317.750	746.775.910	236.583.500

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	17.195.773.139	(268.308.578)	1.213.284.110	-
- Công cụ, dụng cụ	49.754.444	-	160.148.020	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.743.218.574	-	450.293.567	-
Cộng	52.988.746.157	(268.308.578)	1.823.725.697	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình							Tổng cộng
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác		
I. Nguyên giá							
<i>Số dư đầu năm</i>	14.718.369.008	4.861.842.305	5.099.581.855	139.331.818	168.732.000		24.987.856.986
- Mua trong năm	-	249.800.000	907.278.182	-	-		1.157.078.182
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-		-
- Giảm khác	-	-	-	-	-		-
<i>Số dư cuối năm</i>	14.718.369.008	5.111.642.305	6.006.860.037	139.331.818	168.732.000		26.144.935.168
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
<i>Số dư đầu năm</i>	4.669.893.218	2.698.681.055	4.881.567.542	90.361.818	168.732.000		12.509.235.633
- Khấu hao trong năm	395.979.038	330.419.583	192.306.464	9.960.000	-		928.665.085
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-		-
- Giảm khác	-	-	-	-	-		-
<i>Số dư cuối năm</i>	5.065.872.256	3.029.100.638	5.073.874.006	100.321.818	168.732.000		13.437.900.718
III. Giá trị còn lại							
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	10.048.475.790	2.163.161.250	218.014.313	48.970.000	-		12.478.621.353
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	9.652.496.752	2.082.541.667	932.986.031	39.010.000	-		12.707.034.450

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 9.218931.614 đồng.

08. Chi phí trả trước

Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị lợi thế kinh doanh	1.082.243.652	1.454.942.382
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.082.243.652	1.298.692.382
	-	156.250.000
Cộng	1.082.243.652	1.454.942.382

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	5.900.000.000	5.900.000.000	3.000.000.000	8.900.000.000	-	-
- Vay ngân hàng	5.900.000.000	5.900.000.000	3.000.000.000	8.900.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận (*)	5.900.000.000	5.900.000.000	3.000.000.000	8.900.000.000	-	-
Cộng	5.900.000.000	5.900.000.000	3.000.000.000	8.900.000.000	-	-

(*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ninh Thuận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/2662635/HĐTD ngày 18 tháng 8 năm 2020 với hạn mức vay 12.000.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,2%/năm để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	44.981.528.992	44.981.528.992	10.216.397.686	10.216.397.686
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	27.914.209.400	27.914.209.400	-	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng thương mại Đường sắt Đồng Dương	4.595.649.960	4.595.649.960	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình 6	1.101.399.258	1.101.399.258	2.481.543.762	2.481.543.762
- Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Nam Việt	3.825.880.000	3.825.880.000	959.183.000	959.183.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	7.544.390.374	7.544.390.374	6.775.670.924	6.775.670.924
Cộng	44.981.528.992	44.981.528.992	10.216.397.686	10.216.397.686

16/8/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Công trình 6
- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn
- Xí nghiệp đầu máy Yên Viên
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	2.733.906.016	2.733.906.016	5.868.740.831	5.868.740.831
	1.101.399.258	1.101.399.258	2.481.543.762	2.481.543.762
	181.053.400	181.053.400	800.664.203	800.664.203
	890.731.769	890.731.769	909.295.060	909.295.060
	-	-	649.170.500	649.170.500
	-	-	31.554.366	31.554.366
	560.721.589	560.721.589	996.512.940	996.512.940
	2.733.906.016	2.733.906.016	5.868.740.831	5.868.740.831

11. Người mua trả tiền trước

a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Ban quản lý dự án đường sắt
- Ban quản lý dự án 85

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	33.496.420.629	33.496.420.629	-	-
	20.348.811.629	20.348.811.629	-	-
	13.147.609.000	13.147.609.000	-	-
	33.496.420.629	33.496.420.629	-	-

b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan ngắn hạn

- Ban quản lý dự án đường sắt
- Ban quản lý dự án 85

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	33.496.420.629	33.496.420.629	-	-
	20.348.811.629	20.348.811.629	-	-
	13.147.609.000	13.147.609.000	-	-
	33.496.420.629	33.496.420.629	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.364.141.062	6.492.006.092	8.856.147.154	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	769.361.916	564.216.863	1.276.561.650	-	57.017.129
- Thuế thu nhập cá nhân	-	27.985.281	760.624.591	265.818.395	-	522.791.477
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	140.412.174	140.412.174	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	3.019.398	3.019.398	-	-
Cộng	-	3.161.488.259	7.960.279.118	10.541.958.771	-	579.808.606

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<i>105.000.000</i>	<i>105.000.000</i>
- Trích trước chi phí khác	105.000.000	105.000.000
Cộng	105.000.000	105.000.000

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<i>266.341.668</i>	<i>6.812.528.897</i>
- Kinh phí công đoàn	-	21.885.670
- Bảo hiểm xã hội	-	505.390.939
- Bảo hiểm y tế	-	70.908.536
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	39.638.495
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	30.893.400
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	7.474.600	1.976.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	258.867.068	6.141.835.857
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam - thuế Ray Áo	258.867.068	258.867.068
+ Các đối tượng khác	-	5.882.968.789
Cộng	266.341.668	6.812.528.897

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	16.888.600.000	764.712.167	2.632.903.132	20.286.215.299
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	2.913.469.852	2.913.469.852
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	468.912.000	(2.632.903.132)	(2.163.991.132)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	16.888.600.000	1.233.624.167	2.913.469.852	21.035.694.019
Số dư đầu năm nay				
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	3.317.499.572	3.317.499.572
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)	-	292.442.520	(2.913.469.852)	(2.621.027.332)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	16.888.600.000	1.526.066.687	3.317.499.572	21.732.166.259

(*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 04-20/NQ-DHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2020 của Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải. Cụ thể như sau:

	Số tiền
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	292.442.520
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	680.835.732
- Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	150.000.000
- Trích cổ tức chi trả	1.790.191.600
Tổng phân phối lợi nhuận	2.913.469.852

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.892.600.000	64%	10.892.600.000	64%
- Các cổ đông khác	5.996.000.000	36%	5.996.000.000	36%
Cộng	16.888.600.000	100%	16.888.600.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	16.888.600.000	16.888.600.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	16.888.600.000	16.888.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.790.191.600	1.351.088.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.688.860	1.688.860
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.688.860	1.688.860
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.688.860</i>	<i>1.688.860</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.688.860	1.688.860
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.688.860</i>	<i>1.688.860</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán*Vật tư nhận giữ hộ (vật tư cũ thu hồi) Tổng Công ty đường sắt Việt Nam*

Tên vật tư, quy cách	Số cuối năm	
	Đơn vị tính	Số lượng
Ghì P43 cũ	bộ	1
Ray P43, L=12,5m cũ	thanh	36
Ray P43 ngắn cũ	m	5.596,8
Tâm ghi cũ	cái	5
Lưỡi ghi cũ	cái	8
Tà vẹt sắt cũ	thanh	10.504
Lập lách P43, 50 cũ	bộ	1.231
Lập lách P27, 30, ĐB cũ	bộ	14
Đinh mối các loại cũ	cái	4.775
Cốc các loại cũ	cái	40.355
Đinh cốc các loại cũ	cái	39.948
Cần sắt các loại cũ	cái	23.881
Đinh cramphong cũ	cái	1478
Đinh tiaraphong cũ	cái	1.660
Bulon móc cầu cũ	cái	340
Đinh xoắn TVBT cũ	cái	802
Bulon các loại cũ	cái	374

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu xây lắp, bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.252.519.737	121.773.839.337
Cộng	131.252.519.737	121.773.839.337

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	106.441.262.575	113.094.266.219
- Ban quản lý dự án Đường sắt khu vực	14.324.120.234	-
- Công ty Cổ phần Công trình 6	6.055.730.939	-
- CN Tổng Công ty ĐSVN – KTĐS Sài Gòn	-	12.787.273
- CN Tổng Công ty ĐSVN – KTĐS Hà Thanh	-	300.000
- Công ty Cổ phần TTTH Đường sắt Sài Gòn	-	12.055.454
- Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 3	-	1.000.000
- Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	-	1.660.000
- Công ty CPVTĐS Sài Gòn – XN Toa xe Đà Nẵng	-	500.000
- Công ty CPVTĐS Sài Gòn – CN VTĐS Bình Thuận	-	6.400.909
- Công ty CPĐS Phú Khánh	-	227.273
- Công ty CPĐS Sài Gòn	-	27.865.000
- Phân hiệu cao đẳng ĐS Phía Nam	-	1.250.000
- Trung tâm y tế Đường sắt	-	6.774.545

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hoạt động xây lắp, bán hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	111.887.842.293	104.115.426.936
Cộng	111.887.842.293	104.115.426.936

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	307.414.951	199.284.472
Cộng	307.414.951	199.284.472

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	16.059.178	-
Cộng	16.059.178	-

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán vật tư công cụ thu hồi	-	1.145.455
- Các khoản khác	12.153.739	4.570.454
Cộng	12.153.739	5.715.909

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	-	3.258.246
Cộng	-	3.258.246

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	15.947.449.735	14.170.338.432
- Chi phí nhân viên quản lý	8.301.908.338	7.383.564.034
- Chi phí vật liệu quản lý	593.612.650	559.647.038
- Chi phí đồ dùng văn phòng	131.544.591	112.196.273
- Chi phí khấu hao TSCĐ	282.449.429	287.261.597
- Thuế, phí và lệ phí	117.536.701	104.345.182
- Chi phí dự phòng	394.312.350	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.682.351.617	1.211.942.357
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.443.734.059	4.511.381.951
b. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(160.979.214)	-
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(160.979.214)	-
Cộng	15.786.470.521	14.170.338.432

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	564.001.465	776.346.252
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	215.398	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	564.216.863	776.346.252

(*): Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.881.716.435	3.689.816.104
Các khoản điều chỉnh tăng	146.865.457	191.915.155
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	4.028.581.892	3.881.731.259
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN trước giảm trừ	805.716.378	776.346.252
Thuế TNDN được giảm(*)	241.714.913	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	564.001.465	776.346.252

(*) Giảm 30% số thuế phải nộp theo nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.317.499.572	2.913.469.852
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.317.499.572	2.913.469.852
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	830.835.732
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.688.860	1.688.860
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.964	1.233

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.317.499.572	2.913.469.852
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.317.499.572	2.913.469.852
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	830.835.732
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.688.860	1.688.860
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.964	1.233

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.045.093.348	36.490.191.866
- Chi phí nhân công	68.406.566.490	65.215.388.823
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	928.665.085	2.296.602.171
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.401.055.250	4.413.935.339
- Chi phí khác bằng tiền	7.684.215.934	7.388.948.317
- Chi phí dự phòng	501.641.714	-
Cộng	162.967.237.821	115.805.066.516

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.237.764.960	2.058.239.976
Cộng	2.237.764.960	2.058.239.976

Đơn vị tính: VND

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
- Ban Quản lý Dự án Đường sắt	Đơn vị trong hệ thống
- Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên - TCT Đường sắt Việt Nam	Đơn vị trong hệ thống
- Trung tâm Y tế đường sắt	Đơn vị trong hệ thống
- Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt phía Nam	Đơn vị trong hệ thống
- Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Sài Gòn	Đơn vị trong hệ thống
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Đơn vị trong hệ thống
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Đơn vị trong hệ thống
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	Đơn vị trong hệ thống
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn	Đơn vị trong hệ thống
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	Đơn vị trong hệ thống
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Đơn vị trong hệ thống

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
- Trích nộp kinh phí, thuê nhà cung cầu đường	120.167.114	126.943.102
- Trả cổ tức	1.154.615.600	871.408.000
- Thực hiện biểu đồ chạy tàu	-	101.940.000
- Chi phí thuê máy móc, thiết bị	794.432.298	794.432.298
- Tiền thưởng nhận được	29.100.000	-
- Vay ngắn hạn	6.900.000.000	-
- Trả gốc vay ngắn hạn	6.900.000.000	-
Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Sài Gòn		
- Chi phí vận chuyển đá (2,5x5)	1.965.790.000	1.348.095.000
- Phí dịch vụ	-	315.005.662
- Mua vé tàu	-	112.552.002
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình		
- Thuê máy	809.756.154	826.631.873
Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội		
- Thuê vận chuyển ray	-	389.850.000
Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên - TCT Đường sắt Việt Nam		
- Thuê dịch vụ	-	28.685.787
Trung tâm Y tế đường sắt		
- Thuê dịch vụ	110.204.545	85.763.636
Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt phía Nam		
- Thuê dịch vụ	-	45.485.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02, V.03 và V.09, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
- Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	258.867.068	258.867.068
Công nợ phải trả	258.867.068	258.867.068

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Bảo trì thường xuyên: Bảo trì thường xuyên hạ tầng đường sắt Bắc Nam theo đơn đặt hàng của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.
- Hoạt động khác: Hoạt động xây dựng các công trình đường sắt, dịch vụ phòng nghỉ,....

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm nay	Bảo trì thường xuyên	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	105.442.457.273	25.810.062.464	131.252.519.737
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	101.871.590.108	25.511.366.933	127.382.957.041
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	3.570.867.165	298.695.531	3.869.562.696
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.157.078.182	-	1.157.078.182
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.148.249.121	153.114.694	1.301.363.815
Số dư cuối năm nay			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	77.458.412.958	18.960.165.843	96.418.578.801
- Tài sản không phân bổ			16.953.688.427
Tổng tài sản	77.458.412.958	18.960.165.843	113.372.267.228
- Nợ phải trả bộ phận	73.311.109.086	17.944.994.396	91.256.103.482
- Nợ phải trả không phân bổ			383.997.487
Tổng nợ phải trả	73.311.109.086	17.944.994.396	91.640.100.969

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.953.688.427	-	124.031.446	-	16.953.688.427	11.897.708.110
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.239.613.796	(743.525.546)	42.537.538.533	(510.192.410)	(*)	(*)
Cộng	40.193.302.223	(743.525.546)	42.661.569.979	(510.192.410)		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	44.981.528.992	10.216.397.686	(*)	(*)
Vay và nợ	-	5.900.000.000	(*)	(*)
Chi phí phải trả	105.000.000	105.000.000	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	266.341.668	6.143.811.857	(*)	(*)
Cộng	45.352.870.660	22.365.209.543		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	44.981.528.992	-	-	44.981.528.992
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	266.341.668	-	-	266.341.668
Cộng	45.352.870.660	-	-	45.352.870.660
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	10.216.397.686	-	-	10.216.397.686
Vay và nợ	5.900.000.000	-	-	5.900.000.000
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	6.143.811.857	-	-	6.143.811.857
Cộng	22.365.209.543	-	-	22.365.209.543

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Số 15 đường Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Ngô Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hữu Tường

Lê Bá Tuấn Vũ